

CÔNG TY CỔ PHẦN DALT VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DALT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DALT VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DALT.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108579505

3. Ngày thành lập: 08/01/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Vôi Đá, Xã Trần Phú, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
2.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
4.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
5.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
6.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
7.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
8.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
9.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
10.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
12.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
13.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
14.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
16.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
17.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
18.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
19.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
20.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

21.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
22.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
23.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
24.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
25.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
26.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
27.	Hoạt động thú y	7500
28.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
29.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
30.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
31.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
32.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
33.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
34.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
35.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
36.	Xây dựng công trình điện	4221
37.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
38.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
39.	Xây dựng nhà không để ở	4102
40.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
41.	Xây dựng công trình thủy	4291
42.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
43.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
44.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
45.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
46.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
47.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
48.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
49.	Bán buôn thực phẩm	4632
50.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
51.	Sản xuất rượu vang	1102
52.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
53.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
54.	Sao chép bản ghi các loại	1820
55.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
56.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104

57.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
58.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
59.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
60.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
61.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
62.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
63.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
64.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
65.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
66.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
67.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
68.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
69.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
70.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
71.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
72.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
73.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
74.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
75.	In ấn	1811
76.	Sản xuất than cốc	1910
77.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
78.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan (Không bao gồm vật liệu bằng vàng)	3211
79.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	6820
80.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
81.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
82.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
83.	Cho thuê xe có động cơ	7710
84.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
85.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
86.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
87.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
88.	Sản xuất đồng hồ	2652
89.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
90.	Cơ sở lưu trú khác	5590

91.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
92.	Sản xuất nhạc cụ	3220
93.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
94.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
95.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
96.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
97.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
98.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
99.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
100.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
101.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
102.	Sản xuất đường	1072
103.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
104.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
105.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
106.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
107.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
108.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
109.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
110.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
111.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
112.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
113.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
114.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
115.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
116.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
117.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
118.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
119.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
120.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250

121.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
122.	Quảng cáo	7310
123.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
124.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
125.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
126.	Phá dỡ	4311
127.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
128.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
129.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
130.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
131.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ TUẤN ANH	: P202, CT4C X2, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	500.000.000	16,666	012921010	
			Tổng số	5.000	500.000.000	16,666		
2	PHAN VĂN ĐẠI	P36 B15, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	500.000.000	16,666	013401052	
			Tổng số	5.000	500.000.000	16,666		
3	LÝ THÀNH LONG	Số 13, phố Hàng Dâu, Phường Hàng Bạc, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	500.000.000	16,666	011727696	
			Tổng số	5.000	500.000.000	16,666		

4	ĐỖ NGỌC TIỆP	số 101 Phố Huế, Phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	500.000.000	16,666	001079014817	
			Tổng số	5.000	500.000.000	16,666		
5	ĐOÀN MINH ĐỨC	413 T2 TT Bộ LĐ TB và XH, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	500.000.000	16,666	034083004489	
			Tổng số	5.000	500.000.000	16,666		
6	NGUYỄN KHẮC KHIÊM	Thôn Cộng Hòa, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	500.000.000	16,666	001075002456	
			Tổng số	5.000	500.000.000	16,666		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ TUẤN ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 21/08/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012921010

Ngày cấp: 22/07/2008

Nơi cấp: CA thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: : P202, CT4C X2, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: : P202, CT4C X2, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội